

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/DS-ST**  
Ngày: 06-4-2022  
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Phong Hiếu;**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Văn Tám;**
2. Bà **Đặng Thị Tiềm.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Tuấn Tín** – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Nga.**

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn:*

- 1/ Anh **Lê Trí H**, sinh năm 1987;
- 2/ Chị **Nguyễn Thị Thu T1**, sinh năm 1989;  
Cùng địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- 3/ Anh **Lê Văn A**, sinh năm 1987;
- 4/ Chị **Lê Thị Hồng T2**, sinh năm 1989;  
Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

*\* Bị đơn:*

- 1/ Anh **Lê Văn Út G**, sinh năm 1983;
- 2/ Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1985;  
Cùng địa chỉ: Ấp L, xã T, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Tấn M**, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh H, chị T1, anh A, chị T2, anh G và chị H có mặt; Anh M vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

#### ***\* Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Trí H và chị Nguyễn Thị Thu T1:***

Do có quan hệ làm ăn từ trước với nhau, có sự tin tưởng nên ngày 25/12/2021 anh Lê Trí H và chị Nguyễn Thị Thu T1 có cho anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H vay số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn vay là đến ngày 03/01/2022 (tức ngày 01/12/2021 âm lịch), khi vay các bên không có thỏa thuận lãi suất cụ thể. Anh H và chị T1 giao tiền cho anh G và chị H bằng hình thức chuyển tiền thông qua ngân hàng điện tử của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Thời điểm chuyển tiền, do không đủ tiền trong tài khoản ngân hàng nên anh H và chị T1 đã nhờ anh ruột của anh H là anh Lê Tấn M chuyển số tiền 400.000.000 đồng cho anh G và chị H. Anh M sử dụng tài khoản số 102867013163 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam do anh Lê Tấn M làm chủ tài khoản để chuyển số tiền 400.000.000 đồng đến tài khoản số 71110000108313 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam do anh Lê Văn Út G làm chủ tài khoản.

Sau khi vay, anh G và chị H có trả cho anh chị được số tiền là 35.000.000 đồng, trả vào ngày 18/01/2022, còn nợ lại số tiền là 365.000.000 đồng thì ngưng không trả tiếp. Anh H và chị T1 đã nhiều lần liên hệ nhưng anh G và chị H đưa ra nhiều lý do, hứa hẹn nhưng rồi sau đó không thực hiện.

Anh Lê Trí H và chị Nguyễn Thị Thu T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H phải trả số tiền là 365.000.000 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 18/01/2022 tới ngày xét xử vụ án (tiền lãi tạm tính là 3.029.500 đồng, lãi suất áp dụng là 0,83%/tháng).

Ngày 18/3/2022, do nhận thấy anh G và chị H gặp khó khăn trong kinh doanh nên anh H và chị T1 có đơn đề nghị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Anh chị rút lại yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 18/01/2022 tới ngày xét xử vụ án. Anh H và chị T1 chỉ yêu cầu anh G và chị H phải trả số tiền nợ gốc là 365.000.000 đồng.

#### ***\* Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Văn A và chị Lê Thị Hồng T2:***

Do có quan hệ làm ăn từ trước với nhau, có sự tin tưởng nên anh Lê Văn A và chị Lê Thị Hồng T2 có cho anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H vay số tiền là 300.000.000 đồng, thời hạn vay là đến ngày 03/01/2022 (tức ngày 01/12/2021 âm lịch), khi vay các bên không có thỏa thuận lãi suất cụ thể. Anh A và chị T2 giao tiền cho anh G và chị H trong 02 lần, bằng hình thức chuyển tiền thông qua ngân hàng điện tử của Ngân hàng TMCP Kiên Long, cụ thể như sau:

- Ngày 09/12/2021, chuyển số tiền 160.000.000 đồng;

- Ngày 10/12/2021, chuyển số tiền là 140.000.000 đồng.

Anh A và chị T2 sử dụng tài khoản số 21150773 của Ngân hàng TMCP Kiên Long do chị Lê Thị Hồng T2 làm chủ tài khoản để chuyển số tiền 300.000.000 đồng đến tài khoản số 71110000108313 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam do anh Lê Văn Út G làm chủ tài khoản.

Sau khi vay, anh G và chị H có trả cho anh A và chị T2 được số tiền là 120.000.000 đồng, trả vào các ngày 06/01/2022 và ngày 18/01/2022, còn nợ lại số tiền là 180.000.000 đồng thì ngưng không trả tiếp. Anh A và chị T2 đã nhiều lần liên hệ nhưng anh G và chị H đưa ra nhiều lý do, hứa hẹn nhưng rồi sau đó không thực hiện.

Anh Lê Văn A và chị Lê Thị Hồng T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H phải trả số tiền là 180.000.000 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 18/01/2022 tới ngày xét xử vụ án (tiền lãi tạm tính là 1.494.000 đồng, lãi suất áp dụng là 0,83%/tháng).

Ngày 18/3/2022, do nhận thấy anh G và chị H gặp khó khăn trong kinh doanh nên anh A và chị T2 có đơn đề nghị rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Anh chị rút lại yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 18/01/2022 tới ngày xét xử vụ án. Anh A và chị T2 chỉ yêu cầu anh G và chị H phải trả số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng.

**\* Nội dung ý kiến trình bày của bị đơn anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H:**

Tại bản tự khai đề ngày 02/3/2022 và lời trình bày tại các phiên hòa giải, anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H thừa nhận có vay của anh Lê Trí H, chị Nguyễn Thị Thu T1 số tiền là 400.000.000 đồng và vay của anh Lê Văn A, chị Lê Thị Hồng T2 số tiền là 300.000.000 đồng. Thời hạn vay đến ngày 03/01/2022 (tức ngày 01/12/2021 âm lịch), khi vay các bên không có thỏa thuận lãi suất.

- Đối với khoản tiền vay 400.000.000 đồng của anh H và chị T1:

Anh G và chị H nhận tiền vào ngày 25/12/2021 thông qua hình thức nhận chuyển khoản từ tài khoản số 102867013163 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam do anh Lê Tấn M làm chủ tài khoản. Anh H và chị T1 có nói rằng do hết tiền trong tài khoản nên nhờ anh M chuyển tiền hộ.

Sau khi vay, anh G và chị H đã trả được số tiền là 35.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 365.000.000 đồng thì gặp hoàn cảnh kinh doanh khó khăn nên không đủ khả năng để trả nợ tiếp cho anh H và chị T1.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh H và chị T1 thì anh G và chị H đồng ý trả số tiền nợ vay là 365.000.000 đồng nhưng xin được trả dần.

- Đối với khoản tiền vay 300.000.000 đồng của anh A và chị T2:

Anh G và chị H nhận tiền trong 02 lần thông qua hình thức nhận chuyển khoản từ tài khoản số 21150773 của Ngân hàng TMCP Kiên Long do chị Lê Thị Hồng T2 làm chủ tài khoản, cụ thể như sau:

- + Ngày 09/12/2021, nhận số tiền 160.000.000 đồng;
- + Ngày 10/12/2021, nhận số tiền là 140.000.000 đồng;

Sau khi vay, anh G và chị H đã trả được số tiền là 120.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền là 180.000.000 đồng thì gặp hoàn cảnh kinh doanh khó khăn nên không đủ khả năng để trả nợ tiếp cho anh A và chị T1.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của anh A và chị T2 thì anh G và chị H đồng ý trả số tiền nợ vay là 180.000.000 đồng nhưng xin được trả dần.

**\* Nội dung ý kiến trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Tấn M:**

Ngày 25/12/2021, anh Lê Trí H và chị Nguyễn Thị Thu T1 có nhờ anh chuyển cho anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H số tiền là 400.000.000 đồng, với lý do anh H và chị T1 không đủ tiền ở trong tài khoản ngân hàng, vì là anh em trong nhà nên anh M đồng ý. Cùng ngày, anh Lê Tấn M sử dụng tài khoản số 102867013163 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam do anh Lê Tấn M làm chủ tài khoản để chuyển số tiền 400.000.000 đồng đến tài khoản số 71110000108313 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam do anh Lê Văn Út G làm chủ tài khoản.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì anh Lê Tấn M không có ý kiến. Đối với số tiền 400.000.000 đồng anh mà Minh đã chuyển hộ cho anh H và chị T1 thì anh M không có tranh chấp.

**\* Kết quả phiên họp về chứng cứ và hòa giải như sau:**

- Nội dung các bên đương sự thống nhất:

+ Không tranh chấp về tài liệu, chứng cứ mà các bên đã giao nộp và Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập;

+ Thống nhất về số tiền vay, số tiền đã trả được và số tiền vay còn nợ lại;

+ Thống nhất đối với đề nghị rút lại yêu cầu tính lãi của các nguyên đơn, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền vay gốc.

- Nội dung các bên đương sự còn chưa thống nhất được là về phương thức và thời gian trả tiền.

**\* Tại phiên toà:**

- Các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày, không có sửa đổi, bổ sung gì khác.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:**

+ Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã tiến hành theo đúng trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử cũng như là trình tự, thủ tục tại phiên toà. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì về vi phạm thủ tục tố tụng.

+ Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự thể hiện anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H còn nợ anh Lê Trí H, chị Nguyễn Thị Thu T1 số tiền là 365.000.000 đồng và nợ anh Lê Văn A, chị Lê Thị Hồng T2 số tiền là 180.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Các nguyên đơn anh H, chị T1, anh A và chị T2 rút lại yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay của anh G và chị H, xét đây là sự tự nguyện của các nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày của những người tham gia tố tụng. Tòa án đi tới những nhận định về vụ án như sau.*

#### **\* Về thủ tục tố tụng:**

##### **[1] Quan hệ tranh chấp:**

Các nguyên đơn anh Lê Trí H, chị Nguyễn Thị Thu T1, anh Lê Văn A và chị Lê Thị Hồng T2 yêu cầu anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H phải liên đới trả số tiền nợ vay nên đây là tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

##### **[2] Thẩm quyền giải quyết:**

Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H cư trú tại địa bàn thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thụ lý và giải quyết theo đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

##### **[3] Thời hiệu khởi kiện:**

Các đương sự không có yêu cầu xem xét về thời hiệu khởi kiện nên không đặt ra giải quyết.

**[4] Về việc xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Tấn M:** Anh M có văn bản trình bày ý kiến, không có tranh chấp đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **\* Về nội dung vụ án:**

**[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

**[5.1]** Anh Lê Trí H và chị Nguyễn Thị Thu T1 yêu cầu anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H phải liên đới trả số tiền nợ vay là 365.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần.

Xét thấy:

[5.1.1] Anh G và chị H thừa nhận còn nợ anh H và chị T1 số tiền là 365.000.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H và chị T1.

[5.1.2] Các đương sự thống nhất việc anh G nhận số tiền 400.000.000 đồng từ anh Lê Tấn M là do anh M chuyển tiền hộ cho anh H và chị T1. Anh M không có tranh chấp gì đối với anh H và chị T1 nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu anh M và anh H, chị T1 có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[5.1.3] Xét, việc anh H và chị T1 rút lại yêu cầu tính lãi đối với anh G và chị H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu tính lãi của anh H và chị T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.1.4] Anh G và chị H có đề nghị được trả dần số tiền 365.000.000 đồng nhưng không đưa ra được phương thức và thời gian trả dần phù hợp để thỏa thuận với anh H và chị T1. Mặt khác, anh H và chị T1 không đồng ý cho trả dần. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận cho anh G và chị H được trả dần.

**[5.2]** Anh Lê Văn A và chị Lê Thị Hồng T2 yêu cầu anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H phải liên đới trả số tiền nợ vay là 180.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần.

Xét thấy:

[5.1.1] Anh G và chị H thừa nhận còn nợ anh A và chị T2 số tiền là 180.000.000 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A và chị T2.

[5.1.2] Xét thấy, việc anh A và chị T2 rút lại yêu cầu tính lãi đối với anh G và chị H là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu tính lãi của anh A và chị T2 theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.1.3] Anh G và chị H có đề nghị được trả dần số tiền 180.000.000 đồng nhưng không đưa ra được phương thức và thời gian trả dần phù hợp để thỏa thuận với anh A và chị T2. Mặt khác, anh A và chị T2 không đồng ý cho trả dần. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận cho anh G và chị H được trả dần.

**[6]** Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn anh Lê Trí H, chị Nguyễn Thị Thu T1 và anh Lê Văn A, chị Nguyễn Thị Hồng Thảo.

[8] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nên anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Xử:*

1. Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trí H và chị Nguyễn Thị Thu T1 về việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 18/01/2022 tới ngày xét xử vụ án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trí H và chị Nguyễn Thị Thu T1:

Buộc anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H phải liên đới trả cho anh Lê Trí H và chị Nguyễn Thị Thu T1 số tiền là 365.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Lê Trí H và chị Nguyễn Thị Thu T1 cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn A và chị Lê Thị Hồng T2 về việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày 18/01/2022 tới ngày xét xử vụ án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn A và chị Lê Thị Hồng T2:

Buộc anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H phải liên đới trả cho anh Lê Văn A và chị Lê Thị Hồng T2 số tiền là 180.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Lê Văn A và chị Lê Thị Hồng T2 cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

### 3. Về án phí:

Anh Lê Văn Út G và chị Trần Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 27.250.000 đồng.

Trả lại anh Lê Trí H và chị Nguyễn Thị Thu T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.201.000 đồng theo biên lai thu số 0002255 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trả lại anh Lê Văn A và chị Lê Thị Hồng T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.537.000 đồng theo biên lai thu số 0002256 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

### 4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Tấn M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Võ Phong Hiếu**